

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2018/TLST-VHNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu:

1. Ông Trần Hồng Q, cư trú: đường T, khóm Z, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Hà Ngọc T, cư trú: đường K, khóm O, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Hồng Q và bà Hà Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Hồng Q và bà Hà Ngọc T đồng ý thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: ông Trần Hồng Q và bà Hà Ngọc T trình bày, ông bà có 01 người con chung tên Trần Mạnh H (giới tính: nam), sinh ngày 01/6/2015; hiện cháu H đang do bà Hà Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông Trần Hồng Q và bà Hà Ngọc T thống nhất giao cháu Trần Mạnh H cho bà Hà Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Trần Hồng Q và bà Hà Ngọc T thống nhất, ông Q không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hồng Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Mạnh H mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: ông Trần Hồng Q và bà Hà Ngọc T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: ông Trần Hồng Q và bà Hà Ngọc T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Hồng Q và bà Hà Ngọc T mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Q và bà T đã nộp theo biên lai thu số 0002074 và 0002075 cùng ngày 24/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, Sóc Trăng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- VKSND TPS;
- Chi cục THADS TPS;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Uyên